



VIỆN VIỆT-HOIC

BAN SỞ- NỮA VIỆT-NAM

Giảng-khoa : NHÀ-CÔNG VE LỊCH-SỬ VIỆT-NAM

Phủi-trách : Giáo-sô Trần Gia-Phung

TIẾP 5 VAI NEU NAI-TRONG CUA LICH-SU VIET-NAM

1.- SÔ-LÔIC NEN-TANG TINH-THAN DAN CHUNG

Những truyền thuyết về nguồn gốc dân tộc Việt-Nam nêu cho rằng quan thể dân cõ nầu tiên sống trên đất Coa Việt gồm nhiều bộ lạc kết hợp với nhau và dần dần hình thành dòng giống người Việt-Nam. Kết quả nghiên cứu về nhân chủng học cũng cho thấy trước kia, nầu có các sắc dân bản địa, cũng với những sắc dân từ các hải đảo xa xôi tràn vào, và những người từ các xã hội phương bắc xuống, tất cả sống kết tiếp và hòa lẫn với nhau, tạo thành sắc thái chung của người Việt sau này.

Về phương diện tinh thần, người Coa Việt tin tưởng rằng nôi sống con người kéo dài sau khi chết, nghĩa là khi con người chết thì, chẻ có thể xác bỏ tiêu hủy, con linh hồn vẫn tồn tại sống quanh quanh với người sống. Nói với người Coa Việt, những hiện tượng tồn tại những bản năng hành với con người, coi sống nhờ con người. Người Coa Việt yêu mến thiên nhiên, cây cối đất đai sống núi, và tồn tại các sức mạnh tối nhiên nhờ sấm, chớp, mưa...

Chang những tồn tại thông báo trước, và các sức mạnh tối nhiên, người Coa Việt tồn tại sống chung giữa muôn loài, và nhất là sống chung giữa các tập thể (bộ tộc) với những phong tục tập quán khác nhau, nên cùng nhau xây dựng cuộc sống, phát triển phục hồi công nông, nông thời sản sang sản cạnh với nhau báo về đất nước, chiến đấu chống lại các cuộc xâm lăng bất cứ từ đâu đến.

Tất cả những yếu tố này tạo cho người Việt một kinh nghiệm **soá cươg vô lnhau, và đợ đợ về cho người khác cươg soá vô minh**. Truyền thống này càng phong phú thêm do ảnh hưởng của các nguồn triết học hay tồn tại ngoài, mà nầu tiên là Phật giáo, Nho giáo và Náo giáo.

Trong xã hội cuối **Nho giáo** là cái nền của cấu trúc xã hội, tông gia đình, nên tách rời xã hội, luật pháp, chế độ chính trị. Nho giáo chủ trương "*thiên nầu chi nầu nầu vi sinh*" nghĩa là "nôi lón của trời đất là sô sinh" (*Kinh Dịch*, Heát (hạ)).(1) Từ các sô sinh, hay sô sống nôi Nho giáo dạy con người những nguyên tắc sống trong xã hội, biết tu thân, xử thế biết sống theo tam công, ngũ thông...(2) Trong ngũ thông, nầu lón nhất là nhân, nôi nầu các nôi thiên.

Ben cạnh Nho giáo, **Phật giáo** là phần tâm linh của nôi sống, dạy cho con người nôi sống lợi giải thoát khỏi mọi khổ nạn của nôi người, chủ trương diệt dục, từ bỏ hẻ xa và bất báo nôi. Hình thái nghiêm trọng nhất của bất báo là sát sanh. Ngồi lại nôi nh cao mà bất báo nôi nh nên là không sát sanh. Từ bỏ và không sát sanh nếu là tồn tại sống, và chấp nhận sống hòa nôi với mọi người và mọi loài chung quanh mình.

Náo giáo hướng dẫn con người sống hòa nôi với thiên nhiên và vũ trụ. Trong *Náo nôi kinh*, chương 25, Là Tồn nôi: "*Coá Náo nôi, Thiên nôi, Náo nôi, Nha die nôi. Vóc trung hõ tồ nôi, nhi nha cõ ky nha ye.* *Nha phậ Náo, Náo phậ Thiên, Thiên Phậ Náo, Náo phậ Tồn nôi*"; nghĩa là "Vây, Náo lón, Trời lón, Đất lón, Người cũng lón. Trong nôi có bốn thoi lón, mà người cũng là một. Người bắt chớc Đất, Đất bắt chớc Trời, Trời bắt chớc Náo, Náo bắt chớc

Tôi nhiên".(3) Ngöôi bat chöôc Nät, Trôi, Nao va cuoi cung bat chöôc Tôi nhiên, nghĩa la con ngöôi cân phải söng hoa mình trong dong söng tôi nhiên của vu trui. Söng hoa nöng với thien nhiên va vu trui con nöôc hieu la söng hoa nöng với chính nöng ngöôi chung quanh tröôc ñai vì nöng ngöôi chung quanh gain gui chung ta nhất.

Nen taing tam linh chung của ngöôi Viet la **ñao thöuàng toäieä** vì ngöôi Viet quan niem linh hoan con ngöôi van ton tai sau khi chet, va toäieän la nöng ngöôi tröc tiep cho chung ta söi söng, nöng thoi la nöng ngöôi khai phai ñai ñai, ruöng vöôn, xay döng nöi söng vat chat cüng nö tinh than, sai coi khi con chau nöôc sinh ra. Tren nen taing nay Phat giaö, Nho giaö va ñao giaö töi khi tham nhap vaö nöôc ta, ñao cung phat trien va hoa nöng trong nöi söng tinh than của dân chung Viet Nam. Cac hien triet của cac ton giaö ñeu nöôc moi ngöôi ton thö tö trieu ñinh, ñen xaö thoi, va gia ñinh.

Chính nöi nen taing tam linh ton thö söi söng va söi söng chung giöa ngöôi với tröi ñai, cüng nö giöa ngöôi với ngöôi, ñoa nen **tinh thaè hoè nöàng toä giaö** của ngöôi Viet. Ngöôi Viet von ton trong moi ton giaö va köng coi coi söi höu ton giaö, phai biet ñao nay hay ñao kia của ai, ma ai theo ñao nao cüng nöôc. Nöi theä suoi lich söi Viet Nam, chung ta tranh nöôc chieän tranh giöa tin nöi cac ton giaö, von la tham hoa trong lich söi cac nöôc chau Au tröôc ñay.

Veä sau, bat ñau khoang theä ky thoi 16, **Thieä Chua giaö** dan dan du nhap vaö Viet Nam. Hai ñiem chui yeu của Thien Chua giaö la söi thöi kính Thöông Neä (Chua Tröi) va löng bai ai thöông yeu tai cai nöng ngöôi chung quanh. Trong Luca (Luc, Luke) chöông 10, cau 27 viet: "*Con hay kính yeä Jehovah, Thöông Neä của con baèg taä caään löng, baèg taä caään hoä, baèg taä caään löc, va thöông yeä nöng ngöôi gaè guö vöu con nö theä hinh mình vaä.*"(4)

Khi moi nöôc truyen bai vaö Viet-Nam, ñao Thien Chua ñao va chaim khai manh với xaö hoä Viet Nam, moi mat vì nöng giaö luat cöng rañ của Giaö hoä La Maö luc nöi trai nöôc han với nöng tap tuc lai nöi của ngöôi Viet Nam.(5) Moi mat khac, vaö nöa sau của theä ky 19, söi truyen bai Thien Chua giaö lai trung höp với giai nöän xañ lañg của ngöôi Phap, nen nöng mau thuañ van hoa luc ñau bung nöi thanh nöng mau thuañ chính trö. Theo quan ñiem của trieu ñinh luc baäy giöi ngöôi Phap ñao dung chieu bai truyen ñao ñeä xañ lañg, nen moi thoi chính quyän quan chui ñao cam nöän söi truyen bai ñao Thien Chua. Nay la chính sach của nha cam quyän, chöi köng phai la mau thuañ ton giaö giöa dân chung với nhau.

Söi thöi kính Thöông Neä cüng nö quan niem bai ai trong Thien Chua giaö thich höp với nöi söng tam linh, tinh than hoa nöng ton giaö, va truyen thöng söng cung va ñeä ngöôi khac cung söng của ngöôi Viet. Thien Chua giaö dan dan phat trien va hoa ñieu trong nöi söng tinh than của dân chung Viet-Nam.

Vaö ñau theä ky 20, ngöôi Viet öi nöng bang söng Cöu Long ñao thöc hien moi töng höp moi göm tam giaö cuä (Phat, Nho, Lao), cung hai ton giaö moi la Hoä giaö (ton giaö chính của ngöôi Chiem-Thanh) va Thien Chua giaö, ñeä töi nöi thanh lap **Cao Nao giaö**.(6) Nam 1939, öng Huynh Phui Soä ngöôi quan Tai Chau tanh Chau Nöc, ñao thanh lap **Phaä giaö Hoä Hoä** tren nen taing của ñao **Böu Sön Kyä Höng** do Nöc Thay Tay An, tuc danh Nöän Minh Huyeñ, thanh lap nam 1849 tai nui Sam.(7) ñao Hoä Hoä chui tröng cai cach ñao Phat theo ñung với nöi söng thöc teä của ngöôi nöng dân Viet Nam, bai böi giai cap taing löi cung toä chöc giaö quyän, giaö sai; köng chui

trông nên hình thức nhỏ không làm chừa nguy nga, không tác động nước chướng, không nổi vãng mà vẫn huyền khích các nghi lễ giải đò trong việc thông phụng, cầu xin, tang lễ(8)

Niềm nài biết tại nước ta, cũng do truyền thống hoa hồng, trở thời gian lâu đời thời nhà Lý không có tôn giáo nào nước ta xem là quốc giáo nhỏ các nước láng giềng chúng ta như Lào (Laos), Miên (Cambodia), Thai-Lan (Thailand) ...

Tại các các tôn giáo và triết thuyết trên này càng làm phong phú cho chuỗi trường sông cái bản của người Việt là **soáng cương và ở người khác cương soáng**. Triết lý sống này nài chi phối tại các nền hoạt động của dân chúng Việt Nam trong những nét chính của lịch sử nài nước, rồi là bảo vệ nền nước lập dân tộc, phát triển và phòng nam, và cuối cùng ra thì khắp thế giới năm 1975.

2.- BẢO VỆ NỀN NƯỚC LẬP DÂN TỘC: CHỐNG NGOẠI XÂM

Sau một thời gian dài tranh đấu từ thời Hai Bà Trưng (40-43), nước ta trở thành một quốc gia nước lập khi Ngô Quyền nài năm 905 qua Nam Hải, và xông võng năm 939 (kỷ hồi). **Tổ tiên 939 cho đến năm 1954, nước Việt Nam bị ngoại xâm tàn lã**, trong nội quân Trung Hoa xâm lăng bầy lã, lã cuối lã do người Pháp nên nài hoả chúng ta.

Lã thối nã khàng Toáng: Năm 979 (kỷ mào), Ninh Bồ Lĩnh và hoàng thái tử Ninh Liên bị aim sai, Ve Võng Ninh Tue mồi sai tuổi lã ke vò. Nước tin vua tre lã ngoài, nhà Tống cầu binh sang nài nước ta. Lối dùng cô hồi này, Tháp nã tổng quân (ngay nay là Tống tổ lã quân nã) Lê Hoàn tái chức nã chảnh, tái mình lã làm vua năm 980 (canh thìn), mà sử thông gọi là Lê Nãi Hạnh (trò vì 980-1005), và nài thắng quân Tống năm 981 (tân tị).

Sau khi này lui quân Tống, Lê Nãi Hạnh sai người nã hai tổng Trung Hoa bị bắt tra cho nhà Tống, và xin theo lã triều công.

Lã thối nã khàng Toáng: Khi nghe tin triều nã nhà Tống đời đời sãi nãi khiến của tái tổng Võng An Thạch muốn dom người nước ta, triều nã nhà Lý và vua Lý Nhân Tông (trò vì 1072-1127) quyết nã ra tay trước, lã công làm thủ sai **Lý Thông Kiệt** và **Toã Nãi** nã mồi vãn tinh binh sang nãi Khâm Châu, Liêm Châu (thuộc Quảng Ngãi) và Ung Châu (tức Nam Ninh thuộc Quảng Tây) năm 1075 (ất mào), phát thanh, bắt người lã của nã về nước.

Nhà Tống liền tái thu nã qua và nước ta năm 1076 (bính thìn). Lý Thông Kiệt chảnh nã quân Trung Hoa đời sống Nhỏ Nguyệt (lã Nhỏ Nguyệt, Bắc Ninh, tức sông Cầu ngay nay). Nhà Lý cũng nhờ nhà Tống tái cam cõ lã ngay, không phã thắng bại, hao binh tốn của, chảnh cõ lã gì, cũng nã y lui quân. Triều nã nhà Lý cũng phải làm nhờ Lê Hoàn nã lã, nghĩa là tái lã tại các nền tu binh do quân Việt bắt ve khi sang nãi các châu Khâm, Liêm, và Ung. Hai bên tái lập quan hệ hòa cõ

Lã xâm lã thối nã của Trung-Hoa giúp người Việt chúng ta một kinh nghiệm quan trọng: triều nã nhà Lý với một nã quân rất hùng mạnh do danh tổng Lý Thông Kiệt chảnh huy, muốn nã tái chảnh nã "tiên hai thu vi công" (ra tay trước mình hôn), nên khi vãn nghe nhà Tống sãi soạn xâm lã nước ta, nã vãn nã quân nãi Tống trước, không **nã thãg thì nước mã không tái chảnh cai trò nã** nên nãi phải rút quân ve. Lối nã do việc bắt người cõp của nước Lý Thông Kiệt nã ve không nước thông ke này nã những chảnh chảnh không bu lã nã sãi thiết hai tab ra do việc quân Tống tái thu nước ta. Vì vậy, tái nhất nã với một nước mạnh và rộng

Chiêm Thành (Champa) là một nước nằm về phía nam nước ta thời trước, khoảng từ phía nam Hoành Sơn xuống tới Bình Thuận ngày nay, và cao nguyên phía tây.(11) Chiêm Thành gồm nhiều thù tộc khác nhau, sinh sống trong những khu vực khác nhau, và thông nếm quan hệ lẫn nhau. Các thù tộc này sau hợp nhất làm một, nhưng giữa các thù tộc vẫn còn nhiều dò biết và giành giành tranh chấp nhau.

Người Chiêm Thành rất can đảm, máu hiem, thông nếm quan tâm công nước ta, nên phải nước Chân Lạp (Chen-la, Cambodia) ở phía nam, và có lần nếm quan tâm ban ban nhà Mã Lai, giúp quốc vương nước này chống lại người Bồ Đào Nha và theakyl 16.(12)

Người Chiêm sống chủ yếu bằng nghề biển nhờ ngành hàng hải thông thuyền, và tham chí cũng nghề còp biển. Còp biển Chiêm Thành một thời gây khiếp sợ cho thuyền bè chạy trên biển Đông xuống tới Indonesia.(13) Phải chăng vì quá tập chú vào ngành hàng hải, và không quan tâm nên công nghiệp mà người Chiêm Thành ít quy trình phát triển nhờ người Việt? Người lại nên kinh tế trong nước của người Việt luôn luôn đòi hỏi nhu cầu tăng trưởng tích cực các.

Người Chiêm Thành thông nếm quan tâm công Nhai Việt bằng nông biển. Chiêm Thành còn nhiều lần liên kết với Trung Hoa để cung cấp hiệp nước ta.(14) Khi bị nước ta đánh bại vì tội **ve vua Chiêm Thành xin cầu tạ giảng hòa**.

Một khi nào suy yếu, người Chiêm Thành lại có một quan niệm tội về khác với người Việt. Người Việt coi thế song lẫn lẫn với người Trung Hoa hay Chiêm Thành, nhưng người Chiêm Thành lại không chấp nhận lời song chung nữa. Khi người Việt tiến đánh xuống phía nam theo kế hoạch định nên, người Việt thì nên nào thì người Chiêm Thành thì nên có cum dần dần, chửi không song hòa lẫn với người Việt.

Coi thế coi hai lý do nên giải thích hiện tượng này: **thờnha** vì quan niệm phân biệt giai cấp của nếp sống Bà La Môn giáo hay Hồi giáo, hai tôn giáo chính của người Chiêm Thành, không thích ồng với nên văn hóa tội do có môi trường người Việt; **thờnh** vì người Chiêm Thành muốn bảo vệ sự thuận chung và truyền thống văn hóa riêng của mình, tranh bị nông hòa với người Việt, nên họ tách ra song biệt lập.

Người Chiêm Thành theo mẫu hệ người Việt theo phụ hệ. Trong những cuộc hôn nhân Việt Chiêm, đàn trai Việt lấy với Chiêm hay trai Chiêm lấy với Việt, cả hai trường hợp nếu có cô sô nên thu hút về phía không phân biệt giai cấp, tộc là về phía người Việt. Do nên người Việt khai khẩn đất đai nên nào, thì người Chiêm Thành liền bị nhai khỏi nên.

Coi về vì cách tội về thui nên này, mà người Chiêm Thành thì nên hòa dần dần theo người Việt, chửi thái sô **trong suốt quá trình Nam tiến của dân tộc chúng ta, hòa toàn không có lá ve của những cuộc tấn công nhờ nên khi gặp nước trong lịch sử của nước khác trên thế giới**

Khi Ngô Quyền mới lập quốc (939), vùng đất cực nam của nước Coi Việt là Ai Châu (Thanh Hóa), Hoan Châu (Nghệ An) và Diên Châu (Nghệ An). Lúc nên các châu này là vùng đất hoang vu, rừng thiêng nước độc, chửi coi một số binh sĩ và những người bị lờ này sinh sống. Người Việt chửi dom người và chửi nên này nên phòng nam nên người ban làng giêng Chiêm Thành cũng thuận song hòa bình với chúng ta.

Câu chuyện bắt đầu vào năm 979 (kyuam) khi cha con Ninh Bồ Lnh bị aim sát, Ninh Tue (trừ vì 979-980) mới lên ngôi con nên nước ta nâng con bồ rồi thì Chiêm Thành nôi quan tâm công nước ta.(15) Năm 980 (canh thìn), Lê Hoàn nên chinh nhai Ninh, tội lập lên làm vua. Lê Hoàn sai Tô Mộc và Ngô Tô Canh thì sô sang Chiêm Thành giao hảo, nên ngăn nên sô liên kết giữa Chiêm Thành với Trung Hoa. Vua Chiêm là Paramavarman

chàng không **khôg muoá giao haú, maøø baégiam sógiáú** Nieu nay công hóa lai Chiem Thanh không chấp nhận hoà bình, nông thời chống toi hoisain sang tiếp tay với nhai Tông (Trung Hoa) xâm lang Nại Coi Viet.

Lai Hoan không phan òng ngay vì nang ban noi phoi với quan Tông. Nay lui nôôc quan Tông năm 981, **Leá Hoæ thaá chinh ñaith Chieân Thaáh nañ 982**, tiến chiếm kinh ñoá Chiem lúc ấy lai Indrapura tức Ñong Đông (vung Quang-Nam ngay nay). Vua Chiem toi tran, quan Nại Coi Viet lay vang bac, baio vai roi rut quan ve (16)

Cuoc chinh phat nay môira cho ngôoi Viet biet nôôc moi vung ñat moi ôi phía nam coi theá coi nhieu hõa heñ. Năm 1068 (mau than), quan Chiem tañ công biên giới phía nam. (17) Năm sau (kyu dau, 1069), **Lyü Thaáh Toág** (trò vì 1054-1072) toi cam quan ñi ñaith Chiem Thanh. Quan Viet, do Lyü Thõng Kiet lam nguyen soái ñi tien phong, ñaivao coá Thõ Nại, chiếm kinh ñoá moi của Chiem Thanh lai Ñoá Ban (Bình Nõnh ngay nay), (18) bat vua Chiem lai Cheá Cui (Rudravarman III) ñoá ve giam ôi Thaáng Long. Cheá Cui xin cat ñat ba chau phía bac Chiem Thanh lai **Boá Chinh** (Há Tõnh va bac Quang-Binh), **Ñoá Lyü** (trung va nam Quang-Binh), va **Ma Linh** (bac Quang-Trõ) ñe ñoá lay toi do. Vua Lyü ñoá ten Ñoá Lyü thanh Lâm Bình, Ma Linh thanh Minh Linh. **Ñaá la ñaá ñaá tieá trong lich sö ñuôo Viet ñuôoäg bieá công ve phía nam.**

Ngoai viet môi rong boi coi ve phõng nam, chiến tranh Viet Chiem ñoai thời nhai Lyü coi ñoá ñeñ moi phat hieñ quan trong ve phõng dieñ nông nghiệp mañt ngôoi chuyü ñeñ: ñoá la ngôoi Viet biet them va gia nháp giõng lua canh tañ ngañ hañ của ngôoi Chiem ñaith trong tren cac canh ñoing cuicua hõi ôi Boá Chinh, Ñoá Lyü va Ma Linh. Giõng lua nay ngay nay vañ con toñ tai, nôôc trong tren ñoing canh ñoing không toñ, khoãng giõa hai vui lua chính. Vui lua nay ngay nay ñoing gia Viet Nam goi lai **vui lua Chieân.**

Theo cac tañ giai E. O. Reischauer va J. K. Fairbank trong sách *East Asia: The Great Tradition*, va ñau theá kyü thõ 11, ngôoi Trung Hoa hõc nôôc cach trong lua Chiem của ngôoi Chiem Thanh, ñoá ñoai saiñ löõng lua gaõ tañ gap hai toi theá kyü 11 qua theá kyü 12. (19) Trung Hoa hõc nôôc, coi ñhõa la nôôc ta cung hõc nôôc vì lua Chiem phai ñi toi Chiem Thanh, qua nôôc Nại Viet, roi moi len Trung Hoa. Vui lua Chiem ngañ ngay giup Trung Hoa tañ saiñ löõng lua gaõ thì ôi Nại Viet cung theá Viet tañ saiñ löõng lua gaõ lai moi yeu toá thuañ loi cho ñaith so gia tañ. Viet gia tañ ñaith so ñoai hõi them nhieu dieñ tích canh tañ.

Thaáng 10 năm bính ñaith (1266), vua Trañ Thaáh Tông (trò vì 1258-1278) hañ chieü cho cac võõng hañ nôôc phep chieü moi ñoing ngôoi phieu tai ngheo ñoai lam noá ty ñeñ khai khai ruõng boi hoang lap thanh trang hoá (20) Sõi kien nay trung hõp với thời kyü nháp caing vui lua Chiem lai vui lua nôôc ngañ hañ, trong trong cac vung ñat xañ moi khai hoang.

Năm 1286 (bính tuat), do nhu cau quan söi, vua nhai Trañ ra leñh cho cac võõng hañ chieü moi binh lính, saiñ söi binh khí ñeñ saiñ sang chieñ ñaith khi can ñeñ. (21) Muoñ nuoi hõng binh ñeñ baio ve ñat ñai thì phai coi trang hoá ñat ñai ñeñ cay cay lam lua. Muoñ coi ñat ñai cay cay thì can coi hõng binh khai khai ruõng hoang, ñap bö ngañ ñap ñeñ tañ gia dieñ tích canh tañ. Hai yeu toá nay boá tuic cho nhau. Trong thời bình hõng binh lam ruõng, trong thời chieñ hõng binh trang bö vuõ khí ñaith giañ.

Keá hoäch **ngui binh ö noäg** phai chàng lai khõi thuy của keá hoäch ve sau nay goi lai keá hoäch **ðinh ñeñ** hay **ñoa ñeñ**. Dinh, hay doanh, hay ñoñ la ñoñh trai quan ñoai, hay ñoñh quan; ñeñ la ruõng ñat. **Dug ñoá hay doanh ñeñ tañ, baio ve ñoñh ö ñeñ, lay ñeñ ñeñ ñoá quañ ñhõa la ñoñh ñoá hay doanh, coi ñeñ la ñeñ ñaith phat trieá cao ñoñh lai ñeñ.**

Keáhoach dinh nien laophong phap nöôc caic vua Nai Viet öng dung vaö viec möinöôc veä phöông nam. Ngöôc Viet taöng tröông nien nau thì quan nöi ni theo, vöa coi nhai công neä lam noöng, vöa coi quan só neäbaö veä. Ngöôc Chiem khieu khích hay taöng công thì quan nöi baö veävaö naih trai

Nam 1306, vua Chiem laö **CheäMaä** (Simhavarman III) xin cöôi công chua **Huyeä Traä** của nhaöTran vöi sính leähai chau OlvaöLyü(hay Rí). Vua Tran Anh Toöng (trö vì 1293-1314) nöi hai chau OlvaöLyüthanh Thuan Chau vaöHoa Chau. Ngay nay Thuan Chau göm Trieu Phong, Hai Lang (Quang Trö), Quang Nien, Höông Nien, Höông Traö(Thöä Thien) vaöHoa Chau göm Phuä Loic, Phu Vang (Thöä Thien), Hoa Vang, Nai Loic, Nien Ban, Duy Xuyen (Quang Nam).(22)

Gai cuoi nöi nhaöTran, vua Chiem Thanh laö **CheäBoöng Nga** (Po Bin Swor),(23) räi anh hung. Nhai cô höi trieü naih Nai Viet bö xaö troi, öng nöiba lai nem chieh thuyen ra taöng thui nöä Thang Long vaö caic nam 1370, 1377, vaö1378, cööp của vaöbaö ngöôc nem veäChiem. Nam 1377 (ninh tí), vua Tran Dueä Toöng (trö vì 1372-1377) nem quan naih traiChiem Thanh, bö töi traö vì phuc binh của höi Cheä. Höi Cheäcon baö nöôc Ngöi Cau Vöông Huic, con của vua Tran Ngheä Toöng (trö vì 1370-1372, vaöluic nöinang lam thai thöông hoang). CheäBoöng Nga gai con gai cho Ngöi Cau Vöông Huic, nöng thöi nöä Huic veäcai quan vung NgheäAn nam 1378 (maü ngoi).(24)

Lien tiep nhieu nam, CheäBoöng Nga cööp phai khap nöi. Nam 1390 (canh ngoi), khi nem quan taöng Thanh Hoa, tien ra Höng Yen, CheäBoöng Nga bö töi traö. Töi nöi bieñ giöi phía nam nöôc ta möi tam yen.

Sau khi tinh hình tai thui nöä Thang Long tam lang döu, neächai nöng hieh höa phía nam tai dieñ, vua Hoä Hai Thöông (trö vì 1401-1407) sai tööng **NöäMaö** nem quam naih Chiem Thanh nam 1402. Vua Chiem laö Ba Ních Lai xin caö näi nien Coä Luý Nöng (Quang-Ngai). NhaöHoä lap thanh böi chau **Thaög, Hoa, Tö, Nghóa**.

Cuoi nam tien möi ra möi thöi ky möi döôi trieü naih **LeäThaöh Toög** (trö vì 1460-1497). Nhai viec vua Chiem laö Traö Toan gay hai öi vung bieñ giöi, LeäThaöh Toög quyét naih phaih công. Öng sai söisang Trung Hoa giai thích cho vua nhaöMinh biet vì sao ta nöng binh. Viet giai thích nay cho thay cuoi hanh quan naih Chiem Thanh của nhaövua khöng phai vì tham vöng näi nai maü vì vañ neäan ninh của vung bieñ giöi. Öng dañ hai möi vañ quan tien naih Chiem Thanh vaö nau nam 1471 (tai tí).

Sau khi hai thanh Nöä Ban, baö vua Chiem laö Traö Toan, LeäThaöh Toög lay vung näi möi nöi teñ thanh phuä **Hoä Nhon** (vung Binh Nöñh ngay nay), sap nhap vaö vöi böi chau Thang, Hoa, Tö, Nghóa thanh **Quang Nam Thöä Tuyeä Näö** (nghóa laö näi möi öng veäphöông nam, vañg meñh vua neätuyen döng nöic höa). Danh söng Quang Nam xuat hieh töi nay. LeäThaöh Toög näi chia phaih näi Chiem Thanh con lai thanh ba nöôc nhoi laö **Chieh Thanh, Hoä Anh vaö Nam Phan**,(25) lam cho nöôc nay suy yeu neäkhöi quay nhieu nöôc ta nöä.

Ngöôc Chiem Thanh vañ chöa chöu yen, hay quay phai vung bieñ giöi. Nam 1611 (tai höi), **Nguyeä Hoang** sai quan naih trai vaö lay näi phía nam neö **Cuö Moög** lap ra phuä **Phuä Yeä**. Con của Nguyen Hoang laö Sai Vöông **Nguyeä Phuä Nguyeä** näi theo nööng löi ngoai giao của caic vua nhaöTran bang caic gai công chua **Ngöc Khoa** cho vua Chiem laö **Pöäömeä** nam 1631 (tai müi).(26)

Năm 1653 (quyất), vua Chiêm là **BaTham** quay nhiều Phui Yên. Hiền Võng Nguyễn Phúc Tần sai cai cô **Hưng Loã** hành trái BaTham xin hàng. **Hiền Võng** lấy đất phía bắc sông Phan Rang, lập phủ **Dieã Khaõh**. Năm 1693 (quyđau), vua Chiêm là BaTranh muốn gây sõi Quốc Chúa Nguyễn Phúc Chu sai **Nguyã Hõ Caõh** hành lấy đất phía con lai của Chiêm Thanh, lập ra **Thuaã Phuõ** rồi năm 1697 (nhĩn sõi) đổi thành phủ **Bĩnh Thuaã**.

Những cuộc nghiên cứu môi cho thấy Chiêm Thanh vẫn tồn tại lấy lại cho đến khi vua Gia Long lên ngôi năm 1802, ông nữa một hoàng thân thuộc thờ tộc Panduranga (Chiêm Thanh), nhà ủng hộ ông trong cuộc chiến chống Tây Sơn, là **Po Sau Nun Can** lên nắm quyền tại vùng tới trở Bĩnh Thuaã.

Khi kếvò Gia Long, vua Minh Mạng tiếp tục để cho Panduranga tới trở. Lúc nội nhai cai trở Chiêm Thanh, hoàng thân **Po Phank To**, liên kết, thân thiện với Lê Văn Duyệt, tổng trấn Gia Ninh thanh. Tính tình Lê Văn Duyệt cũng coi nên giữa ông và triều đình Huế không hay những chạm căng thẳng. Năm 1831, Minh Mạng cải tổ hành chính, bỏ Bắc thành và Gia Ninh thanh, đổi trấn thành tỉnh, trở thuộc chính quyền trung ương. Gia Ninh thanh bỏ bãi bỏ khi Lê Văn Duyệt trở trấn năm 1832; trong thời vua Minh Mạng ra lệnh bỏ luôn quy chế tới trở của người Chiêm ở Bĩnh Thuaã. **Chiêm Thanh coi nhõ mã hãu tõi mãp**, đầu sau rồi diễn ra hai cuộc nổi dậy của người Chiêm đối sõi lãnh nhà của **Katip Sumat** từ 1833 đến 1834, và **Ja Thak Va** từ 1834 đến 1835, những bù đắp tại ngay.(27)

Lyido suy vong của Chiêm Thanh không phải vì người Việt diệt chúng, cũng không phải chã vì sõi lãnh chiêm của nước ta. Lyido chính vì các triều nhà Chiêm Thanh quá nhiều chiến, chẳng những muốn hành phải nước ta, mà còn hành cai Chai Lạp, xuống giúp các vương quốc tại bán đảo Mã Lai. Chiêm Thanh không những chã bỏ nước ta hành trái mà còn nhiều lần bỏ Chai Lạp (Cambodia) tại công ra tại kinh nhà và có lần con bỏ Chai Lạp nhà hoãn nhà.(28)

Trong lịch sử chã có một lần Chiêm Thanh liên kết với nước ta chống nhà Nguyễn vào thế kỷ 13, con thông thông các vua Chiêm muốn bắt tay với Trung Hoa để uy hiếp nước ta. Trong thế chã những nông phải tới về người Việt hành trái và triết tiêu các mầm móng có thể gây nguy hại cho an ninh của chính mình. Chính hai tác giả gốc người Chiêm Thanh là Dohamide và Dorohiem cũng nhà xai nhà trong sách *Đã toã Cham lỏc sõi* "Về phía người Cham thì có tiếp tục sách lỏc truyề thoãg quã nhiều Nam bỏ Linh mục De Rhodes ghi nhà rằng giữa năm 1620 và 1653, triều đình Huế nhà phá hủy tức duy trì qua nhà tại biển giới Cham và phá hủy luôn luôn ôvã tình trạng chiến tranh với Champa."(29)

Sõi nhiều chiến của triều đình Chiêm Thanh nhà tới làm hại mình. Chiến tranh liên miên nhà làm cho đất nước kiệt quẽ lại con bỏ các nước lân bang hành trái và cướp bóc. Những cuộc hành phải khiêu khích của Chiêm Thanh tạo nên những nguyên cớ hợp lý để người Việt phản công và phải triển. Khi thất bại, người Chiêm Thanh tới yu có cũi thanh những khu quân cũ riêng biệt và không chấp nhận sống hòa lại với người Việt.

Gặp **Chai Lạp** (Chen-la, Cambodia) ở hai lờu châu thổ sông Cõu Long, người Việt cũng áp dụng các phương pháp cũ nhà môi nhà. Vùng châu thổ này trở từ kia thuộc vương quốc **Phuõ Nam**. Khi Phuõ Nam sụp đổ vào thế kỷ thứ 6, một vương quốc mới nước thanh lập là Chai Lạp, thủ nhà ở vùng Angkor và sau rồi đổi tên vùng Phnom Penh từ thế kỷ 15. Khu vực châu thổ hai lờu

sông Cửu Long xa kinh đôChấn Lạp, hàng năm thông hay bò ngập lụt, ít người Chấn Lạp nên nhen cõ, nhat nai hoang vu chõa khai thac.

Nam 1620 (canh than), **SaõVõông** gai công chũa **Ngõc Vãn** cho vua Chấn Lạp la**Chey-Chetta II**. Nam 1623 (quy hõ), chũa Sai gõi mõi phõi boi sang Chấn Lạp xin või vua Chey-Chetta nhõng vung Mõi Xoai, gain BaRõa ngay nay, cho ngõõ Viet. Vua Chấn Lạp nõng y chũa Nguyen liẽ nõa ngõõ nên canh tac tai nõ(30)

Nam 1658 (mau tuat), nõi boi hoang gia Chấn Lạp tranh chap, cho ngõõ sang cau cõu chũa Nguyen. Hiẽ Võông Nguyen Phuic Tãn cõiquãn sang nãnh Mõi Xuy (vung Biẽ-Hõa ngay nay), bat vua Nac Oõng Chấn nẽm giam õiQuãng-Binh mõi thõ gian, rõi cho ve nõõc, buõc phõi trieu công va bẽnh võc ngõõ Viet sang lam an sinh sõng.

Nam 1674 (giap dan), trieu nẽnh Chấn Lạp lai cõubieẽ, Hiẽ Võông sai Nguyen Dõng Lãm nẽm quãn nãnh nõõc nõn Sai Cõn rõi tiẽn lẽn Nam Vang, õn nẽnh tình hình hoang gia Chấn Lạp.

Nõi boi hoang tõi Chấn Lạp thõng gay gõi tranh chap nhau. Mõi lãn tranh chap, ngõõ nay xin viẽ binh Xiẽm La (tõc Thai Lan) thì kei kia nhõiquãn Viet giup, rõi cat nhat tai õn chũa Nguyen, nên ngõõ Viet cõicõ hõi lãn dan xuõng phía nam mõi cach em tham. Nam 1698 (mau dan), Quõc Chũa Nguyen Phuic Chu sai **Nguyeã Hõõ Caõh** mõi nhat nên dinh **Phieã Traã** (Gia Nõnh).

Nam 1708 (mau ty) **Mac Cõu** nẽm nhat **HaõTieã** của Chấn-Lạp xin sap nhap va nõõc ta. Nam 1757 (nẽnh sõ), trieu nẽnh Chấn Lạp lai cõinõi loãn. Quãn Nguyen giup nõa Nac Toĩn trõi lai ngoi bau. Nac Toĩn liẽn cat nhat vung Vĩnh Long, Sa-Nẽc, Tiẽn Giang, vaHau Giang nẽtai õn. Nac Toĩn con dang nhat nam phũHõõng Uĩc, Cãn Boĩ, Trõc Sãm, Sai Mat, vaLinh Quyõnh cho **Mac Thieã Tõi** Tõitrĩn lẽn Chũa Nguyen, nha chũa sai lap thanh traĩn HaõTieĩn rõi giao cho Mac Thieĩn Tõicai quãn.

Sau mõi lãn nhõiquãn chũa Nguyen giup nõi nẽtraĩ õn, cac vua Chấn Lạp thõng hay nhõng cho Nãi Viet nhat vung chũa thoĩhai lõu sông Cõu Long, vì trieu nẽnh Chấn Lạp khõng chũi yũkhai khai vung nhat xa xoĩ, ngập lụt, ít ngõõ sinh sõng, lai chang cõinẽn nãi thanh nõa gì quan trõng của Chấn Lạp.

Nhõ theĩ qua quãitrĩn nam tiẽn, ngõõ Viet khõng chũitrõng diẽt chũng nõi või ngõõ Chiẽm Thanh hay ngõõ Chấn Lạp (Chen-la, Cambodia, Cao Miẽn).

Do nhu cau sinh tõi, ngõõ Viet phat triẽn tõi nhiẽn ve phõng nam, tìm kiẽm theĩm nhat nai nẽc canh tac. Viẽ tìm kiẽm nhat nai cõikhi bang nõõng loĩ meĩm deĩ dõa trẽn nhõng cuõc hõn nhãn hõa hiẽu giõa ngõõ Viet või ngõõ Chiẽm hay ngõõ Chấn Lạp; cõikhi bang phõng phap dinh nẽn, khai phũnhat hoang nẽc canh tac vì chĩnh nhõng vung nhat nay, ngõõ Chiẽm hay ngõõ Chấn Lạp cũng boi hoang; va cõuoi cung mõi dung sõi mãm quãn sõi nẽbab ve nhõng lõu dan vung nhat mõi, khi bò khiẽu khĩch hay tan công.

Khi that bai, ngõõ Chiẽm Thanh, rõi ngõõ Chấn Lạp tõi yũrut lui trong nhõng khu võc nẽnh cõ riẽng lẽi. Ngõõ Viet sãn sang nõn nhãn ngõõ Chiẽm va ngõõ Chấn Lạp gia nhap va xõ hõ Viet; neu hõ hõa nõng va Viet hõa thì cang toĩ, con neu hõ khõng muõn thì hõ vãn tõi do giõo sac thai trũyẽn thõng riẽng của hõ. Ngay nay, vãn con cõinhõng trung tam quãn cõ riẽng lẽicủa ngõõ Chiẽm õiTrung phãn va ngõõ Chấn Lạp (Cao Miẽn) õiNam phãn.

Nhìn này, người Việt đóng chân lại ở núi Cao Mau, và vì sợ cái trôi của biển Thái Bình, và vì nỗi chiến giữa chúa Nguyễn và Tây Sơn, và tiếp theo vì người Pháp nên xâm lăng nước ta từ năm 1856.

4.- NHỮNG HẸA QUẢ BẮT LỖI CỦA CUỘC NAM TIẾN

Việt phát triển về phương nam của tổ tiên chúng ta nhằm mở rộng biển công của đất nước, nhưng cũng đem lại một vài hệ quả không mấy tốt đẹp cần phải vượt qua.

Trước hết, người Việt tiến về phương nam không phải bằng một lần mà từ từ theo từng giai đoạn, từ thời này qua thời khác, trong vòng gần 800 năm, từ năm 982 (năm Lê Hoàn đánh Chiêm Thành lần đầu) đến năm 1772 (năm lập nhà Trống Non ở Ninh Thuận).

Thông thường, những lều dân xưa nam lập nghiệp là binh sĩ, gia đình binh sĩ, những người nghề nông, công việc, và những người cầu tu theo đạo Phật thích cho mình lập lại nơi sống mới do chính sách nhân nhượng với những người làm lều. Những người này và coi tinh thần phiêu lưu mạo hiểm, và thích tìm lập. Chính cái tinh thần của những lều dân làm cho họ muốn tìm lập thoát ly ảnh hưởng của vùng đất cũ. Ngoài ra họ xưa nam theo từng đợt khác nhau, gặp phải những hoàn cảnh khác nhau, những khu vực khác nhau, nên chính giữa những lều dân với nhau, cũng sinh ra những phản ứng tâm lý khác nhau, cho nên không phải chỉ khác với những người con ở lại vùng đất cũ.

Khi vào nam, lều dân còn tiếp xúc thêm với nhiều công việc khác ở nửa phương nam người Chăm, người miền cao nguyên và núi non, người Chăm Lạp (Miền), hoặc những người dân di cư tới nhờ người Trung Hoa (sau khi nhà Minh sụp đổ). Và hòa lẫn với các sắc tộc mới, và nên nhận thêm ảnh hưởng của nguồn văn hóa mới là Chiêm Thành và các nước Đông Nam Á. Tâm thức lều dân mở rộng và thay đổi, không còn bó buộc trong lũy tre làng và những tập quán xưa cũ hàng ngàn năm nữa lại, tạo thành bản sắc văn hóa mới của người miền nam. Nhiều này bắt đầu cho tính thích lập của những lều dân, để này họ phiêu lưu xa xôi nguồn xuất phát.

Ben cạnh nội nước Việt phát triển theo chiều vĩ độ (chiều cao 1.650 km), mà chiều kinh độ (chiều ngang) coi khi lại thu hẹp lại, ví dụ vùng đất ở miền Trung có nội chèo rộng khoảng độ 50 cây số. Sỏi các biệt về vĩ độ này nên sỏi khác biệt về khí hậu và thời tiết. Khí hậu và thời tiết ngoài Bắc và Bắc Trung phần mùa nóng lạnh gay gắt, mùa hè nóng, khô, chốc hôn nam Trung phần và Nam phần lại nội gần nhờ quanh năm nắng ấm, mùa nhiều, nên tâm sinh lý cách sống của dân chúng của các nửa phương rất khác nhau.

Khí hậu và thời tiết còn ảnh hưởng rất lớn nên công nghiệp và sinh hoạt kinh tế chủ yếu của người Việt Nam. Thức phẩm chính của người Việt là lúa gạo. Tổng sản lượng lúa gạo cao thấp khác nhau ở các nửa phương coi khí hậu khác nhau. Mọi loại khí hậu lại thích hợp cho từng loại cây thức phẩm phụ, làm tăng sản lượng nông phẩm nói chung. Khí hậu còn ảnh hưởng nên sỏi phát triển của nông coi giúp cho công cuộc chăn nuôi gia súc của nhà nông, tạo thêm thức phẩm cho dân chúng.

Do nửa hình phôi tập theo chiều bắc nam, các cánh rừng chạy dọc theo bờ biển, bị ảnh hưởng các dãy núi và các dòng sông, lại rộng hẹp khác nhau, màu mỡ khác nhau.

Nói chung, sỏi khác biệt về môi sinh tác động một cách khác nhau nên sỏi sống kinh tế. Ví dụ đất đai ở ngoài Bắc nửa nước khai thác quailâu nội, ít con màu mỡ khí hậu khác nghiệt, nên nhà nông làm ruộng cày cấy sâu cuối bãi, phân bón và tưới tiêu kỹ hơn, mà nắng suất lại thấp hơn trong nam. Hành lang nông bằng miền Trung và đất hẹp, bị thủy triều xâm lấn, và kho bãi nhất là ở Nghe An nên Quảng Nam (nước gọi là *nhà cày lên sỏi*), nên cũng chừa khai giở ngoài bắc, những miền Nam lại vùng đất mới, đất đai phì nhiêu, lại mùa nhiều, nắng quanh năm, nước tưới tiêu này nội mọi năm sông Cửu Long đem phù sa mới bồi đắp những cánh rừng thêm màu mỡ nên coi nửa phương dân chúng "lạc chôi áh thiế".

Những này nên này rất quan trọng ở cho nửa này nên những khác biệt về sỏi sống kinh tế và tinh thần, về lối sống, văn hóa, cái tinh, phương ngữ giống nội, giữa các khu vực nửa phương trong cùng một nước. Từ nội thông xây ra những khác biệt gây nên những bất hòa, chia rẽ giữa người Việt với nhau trong lịch sử. Ví dụ Nam Bắc phần tranh trong thế kỷ 17 và 18, lúc này sỏi nội này quyết lối giữa hai gia đình họ Trịnh và họ Nguyễn, những về lại sỏi khác biệt quyết lối của những tập đoàn ra mình lập nghiệp ở phương nam và những kẻ ở lại phía ngoài bắc, làm cho cuối tranh chấp trở nên quyết liệt hơn.

Rất may, tính cách khác biệt của phòng này đã giới hạn trong một phạm vi nhỏ không đủ mạnh để gây trở ngại cho truyền thống ngàn kết nhằm cùng xây dựng đất nước và cùng chống những kẻ thù chung của dân tộc. Nhờ thế, không có những mâu thuẫn nào phòng hoàn toàn không còn tồn tại.

Sở dĩ chia rẽ của phòng càng trở nên trầm trọng khi mà niềm tin ngoài kia tìm cách khai thác niềm tin lỗi. Hiện tượng này diễn ra từ khi Pháp nên hòa hoãn với ta. Pháp thi hành chính sách chia rẽ và áp đặt chế độ chính trị khác nhau cho ba vùng Bắc, Trung, Nam. Sau một thời kỳ du nhập của chủ nghĩa cộng sản vào Việt Nam, người cộng sản dùng chiêu bài tranh đấu giai cấp làm phân hóa xã hội, và gây chia rẽ của phòng để đạt mục đích thống trị của họ. Trong cuộc chiến bắc nam vừa qua, sau hiệp định Genève năm 1954, khoảng một triệu người dân di cư từ bắc vào nam. Chính công sản đã lợi dụng tính hòa hoãn để gây chia rẽ nội bộ và làm suy yếu miền Nam.

Niềm cuối cùng của chúng ta trong hai mươi năm trước là nhiều người Việt thông thạo ngoại ngữ cho rằng dân tộc Việt hùng mạnh nhất là trước chiến tranh. Thúc đẩy lịch sử cho thấy rằng nước Chiêm Thành suy vong trước khi có sự hiện diện của người Việt vì nhiều lý do phức tạp. Người Việt chủ trương sống cùng và hòa đồng khác cùng sống, chứ phải tiến tới hòa nhập và đồng nam, tiến xuống khai thác vùng đất đai còn hoang hóa do thiếu người sinh sống. Mặc cảm tội lỗi của chúng ta về sự chia rẽ giữa hai sắc tộc Việt Chiêm hiện cùng sống ở Trung và Nam phần nước ta, và có thể là một phần những mâu thuẫn nhỏ mà cảm "cổ lỗ" nói với người Chiêm, và cảm nghiệp chướng luân hồi về những mâu thuẫn giữa người Việt trong thế kỷ 20 này.

5.- NGƯỜI VIỆT BUNG RA VÀI HỒI NHẬP VÀI THE GIỚI

Người Việt không phải chỉ nam tiến, mà còn **ta tiến** nữa. Người Việt tây tiến lần đầu vào năm 1048 (mười ty), khi Lý Thái Tông (trò vì 1028-1054) cói Phùng Trí Năng đem quân đánh Ai Lao (tức Lào hay Laos ngày nay). Sau một năm 1294 (giáp ngọ) thông hoàng **Tra Nha Toá** tới cầm quân đánh Ai Lao để giải vây vùng biên thủy Thanh Hóa, Nghệ An. Thông hoàng **Tra Minh Toá**, sau khi những người cho con là Trần Hiến Tông (trò vì 1329-1341), hai lần tới cầm quân sang đánh nước quân Ai Lao quá phải rời biên giới Nghệ An vào các năm 1334 (giáp tuất) và 1335 (ất hợi).

Năm 1479 (kỷ hợi) Lê Thánh Tông sai Lê Thôi Vốc đem quân đánh nước láng giềng Lào Qua (bắc Ai Lao) sang quá nhiều, và nước vua Lào Qua nên biên giới Điện Biên (Myanmar).⁽³¹⁾

Đầu những năm tiến qua Ai Lao, có thể do không hợp phong thủy vùng biên binh người và rừng núi Ai Lao, chính yếu là **không chịu nổi bề mặt** nên người Việt lúc mới đi có sang phía tây, mà chỉ tiến xuống các vùng phía nam. Việc tây tiến không lâu một thời gian dài vì người Việt bản nam tiến.

Khi xuống nên vùng châu thổ sông Cửu Long, do lỗi yếu cầu của các vua Lục Chân Lạp, tức Cao Miên ngày nay, các chúa Nguyễn và vua Nguyễn lại tây tiến, nhiều lần gởi quân sang báo hồi Chân Lạp, chống lại sự đe dọa của Xiêm La (Siam) tức Thái Lan (Thailand). Năm 1835 (ất mùi), Trông Minh Giảng đã khởi quân phạt sai làm chiến lược trăm trong. Thay vì báo hồi Chân Lạp nhờ ông đã nên nghề vua Minh Mạng (trò vì 1820-1840) nói Chân Lạp thanh Trấn Tây Thành, sáp nhập vào Việt Nam, và đặt quan cai trị. Minh Mạng ông ý những đó nên dân chúng Chân Lạp không thuận tình, nên nói lên chống nói khắp nơi, gây thêm nhiều mâu thuẫn Việt Miên. Khi vừa mới lên ngôi, Thieu Tru (trò vì 1841-1847) nghe theo nghề của Tại Quang Côi, ra lệnh cho Trông Minh Giảng rút quân về năm 1841 (tân sữu).

Khi người Pháp nên xâm lược và hòa hoãn ta năm 1884, việc tây tiến của người Việt xem như chấm dứt, vì Pháp cũng hòa hoãn Cao Miên, con người Việt thì bản lo khôi phục cho Pháp giành độc lập.

Từ thời gian này, Việt Nam bắt đầu bước vào đời sống chính trị thế giới. Do vị trí địa lý khác biệt trên trục địa phương nam Á, Việt Nam càng ngày càng đóng vai trò quan trọng hơn trên chính trường quốc tế

Những trao đổi chính trị thể hiện ảnh hưởng mạnh mẽ đến ta. Vào giữa thế kỷ 20, trong cuộc kháng chiến chống Pháp, người Việt bị chia rẽ theo hai nguồn ảnh hưởng chính trị khác nhau. Một bên nỗ lực giúp đỡ của thể hiện rõ ràng, một bên chịu sự chi phối của Nétam Quốc tế cộng sản.

Năm 1954, hiệp định Geneva được ký kết, người Pháp rút ra, đặt nước bị chia hai ở vĩ tuyến 17. Phía bắc là nước Việt Nam Dân Chủ Chủ Cộng Hòa theo chế độ cộng sản. Phía nam là Việt Nam Cộng Hòa theo chế độ dân chủ. Cuộc chiến quốc càng ngày càng trở nên khốc liệt.

Trong khi nội chiến bùng nổ ở Việt Nam qua Pháp làm lính thời thời thể hiện 1 và 2, cùng với những du học sinh ra nước ngoài du học càng ngày càng đông, bắt đầu mở ra một hướng đi mới, tức là **xuất động qua các nước Á-Â-Mỹ**. Lúc đầu cuộc xuất động này ít ỏi, chậm chạp, không ve sầu trở nên ồ ạt khi Việt Nam Cộng Hòa bị sụp đổ vì sự thất bại của cộng sản Hà Nội năm 1975.

Nhà niềm sống cùng và những người khác cùng sống trôi nổi trên thuyền thông của dân tộc Việt Nam, những gia đình của chúng ta cũng sống không chấp nhận nhiều này. **Công sản chủ nghĩa là một ly và một quả cay** cai trị xã hội bằng một nắm. Khi nắm nước chính quyền, cộng sản Việt Nam đã nắm lấy toàn gia đình, tiêu diệt hết các ngành phải khác, thu thập những cải cách nước lập công ty với xã hội, áp dụng chính sách chuyển chính vào sản, bắt mỗi người phải đi vào khuôn khổ của cộng sản, từ việc chất nhận tình thân, loại bỏ tất cả các ảnh hưởng văn hóa, toàn gia đình truyền, và giành tất cả mọi quyền lợi, mọi nguồn sống vào tay người cộng sản nhờ lợi Việt bản "Quốc tế ca" của cộng sản này (32). Tất cả những việc này vì phẩm truyền thống sống cùng và những người khác cùng sống của dân tộc chúng ta.

Không chấp nhận nên nước tại chuyển chế độ cộng sản, hàng triệu người đã phải bỏ nước ra đi từ 1975 cho đến nay, vì sức sống của người Việt rất mãnh liệt, bằng cách này hay cách khác, người Việt luôn luôn tranh đấu để sinh tồn và phát triển.

Cuộc bùng nổ và nổi loạn này có thể tạm chia thành **ba giai đoạn**: (những con số dưới đây chỉ phỏng chừng, không chính xác, lấy tin qua các báo)

Nốt 1: Ngay sau biến cố 30-4-1975 và vài tháng kế tiếp, khoảng từ 100.000 đến 150.000 người bỏ ra đi, hầu hết số này đến ở Hoa-Kỳ

Nốt 2: Từ 1978 đến 1980, khoảng 500.000 người ra đi, trong đó hầu hết là người Việt gốc Hoa, theo phong trào gọi là "bản chính thức". Khoảng một nửa số này qua Trung Quốc, số còn lại qua Hồng Kông và các đảo Đông Nam Á (Năm 1978 là năm ông Nội Mông, bí thư trung ương Đảng cộng sản Việt-Nam, và Nam phát động chiến dịch cải tạo công nghiệp, những thức chất làm ảnh hưởng tốt sản, nhất là làm làm vào giới tốt sản người Việt gốc Hoa. Vì việc này, nên kinh tế Việt-Nam suy sụp hẳn từ nay).

Nốt 3: Từ 1981 đến 1989 (trước thời điểm Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc ra lệnh các trại tị nạn ngoài khơi như ở biển), khoảng 500.000 thuyền nhân đến các đảo Hồng Kông, Palawan (Phi Luật Tân), Bidong (Malaysia), Galang (Indonesia), các trại ở Thái Lan... rồi từ đó đi đến những cơ sở khắp thế giới.

Nốt 4: Từ 1989 đến 1996, tuy Liên Hiệp Quốc đã không có các trại tị nạn, số người ra đi vẫn tiếp diễn, khoảng 200.000 người, cũng qua các đảo trên, phải trải một cuộc thanh lọc nên nước xã hội lại trở nên chính trị một nước này. Ai không chịu thanh lọc thì bị trả về Việt Nam..

Còn ba năm còn lâu nữa thêm :

Thòu hã là số người tị nạn trên biển không thể thông qua chính xác nước. Người ta phỏng chừng có khoảng từ 400.000 đến 500.000 thuyền nhân bị mình trên biển cải hay bị hải tặc bắt giết. (33)

Thòu h là người sống ở ngoài nước ra đi bằng thuyền, con số khá nhiều người ra đi chính thức bằng những hàng không, do phải nhận báo lãnh qua Chương trình Ra Đi Có Trật Tự (Orderly Departure Program, viết tắt O.D.P.), bắt đầu từ 1979, và Chương trình Tả Cải Tạo Nước Phóng Thích (Released Reeducation Detainees Program, ký hiệu là HO), bắt đầu từ 1989, do chính quyền Hoa-Kỳ chấp nhận cho các cựu quân nhân quân lực Việt-Nam Cộng Hòa bị ba năm tù cộng sản trở về gia đình ở nhà ở tị nạn ở Hoa-Kỳ

Thờ ả là công việc sáng tạo ra niềm tin do du học hoặc xuất khẩu lao động qua Liên Xô và các nước Đông Âu, nhằm xây dựng niềm tin khi chế độ cộng sản sụp đổ tại các nước này. Số này lên đến khoảng trên 100.000 người, rải rác ở Nga, Ba Lan, Tiệp Khắc, Hungaria, Nôc... và hiện nay đang có xu hướng tiến dần về các nước phương Tây.

Tính chung, tổng số Việt kiều ở hải ngoại, kể cả lớp con cháu, hiện thời nước Đức lên đến **khoảng hai triệu người**. Đây là số lượng người ra nước ngoài sinh sống lớn nhất trong lịch sử Việt Nam. Số kiến này chắc chắn là nền tảng cho những thế hệ qua lại trong và ngoài nước gây ảnh hưởng lâu dài nói với sự phát triển của Việt Nam.

Truyền thống sống cùng với người khác và người khác cùng sống giúp người Việt Nam hội nhập dễ dàng vào xã hội các nước tiến tiến phương Tây mà vẫn giữ được sắc thái riêng của mình. Người Việt không sống tập trung vào những khu vực riêng biệt, mà sống hòa lẫn với người bản địa, hoặc với các sắc dân khác, không vướng mắc gốc rễ và tha hóa.

Trong bất cứ một xã hội nào, luôn luôn có người tốt kẻ xấu. Rất may là thành phần hỗ trợ mang tiếng xấu của người Việt chiếm một tỷ lệ thấp so với tổng số người Việt ra nước ngoài, trong khi những người hiền, siêng năng làm việc không ngừng vào xã hội mới, chiếm đa số.

Về phương diện kinh tế người Việt Nam vốn cần cù chăm chỉ, chịu khó vất vả tay chân khi ra nước ngoài, người Việt rất làm mọi công việc kiếm sống. Đa số người Việt Nam làm ăn hợp pháp, thức hiện nghĩa vụ thuế khoa này nọ rất đúng giờ và nhiều về kinh tế cũng nhờ vậy phát triển, cho các quốc gia mình đang sinh sống. Một tạp chí nổi tiếng, riêng tại California, có trên 400 chỗ bán hàng All-in-one, băng nhạc, video và CD Việt Nam, 3.000 tiệm Nailcare với khoảng 12.000 công nhân Việt Nam, khoảng 1.500 bác sĩ, 700 dược sĩ, 350 luật sư, 3.000 giáo sư. Nếu kết thêm giới trẻ mới ra trường trong thời gian gần đây, số bác sĩ, nha sĩ và dược sĩ Việt Nam tại California có thể tăng gấp hai các con số trên. (34)

Tuy mức thu nhập trung bình của người Việt Nam ở nước ngoài chưa cao, nhưng người Việt Nam vốn sống giản dị, nên cũng tạm đủ sống. Chẳng những thế người Việt-Nam còn danh dự nước chủ ít tiền giỏi về giúp đỡ bạn bè con bạn hàng xóm gặp nhiều khó khăn đời chế độ cộng sản. Số viện trợ này là nguồn tài chính quan trọng giúp bạn bè con bạn hàng xóm thoát qua khỏi nạn đói do chính sách kinh tế phá hủy sai lầm của chính quyền cộng sản trong thập niên đầu của miền Nam.

Số viện trợ này tuy có tính cách gia đình, nhưng gia đình là nền tảng và cần bản của xã hội, nên viện trợ cho gia đình có nghĩa là viện trợ cho xã hội, cho đất nước. Người ta ước tính con số của chính xác là số hàng viện trợ cho thân nhân ở nước ngoài quốc gia về Việt Nam hàng năm khoảng từ 500 triệu đến một tỷ Mỹ kim.

Ngoài ra, theo một thông tin của báo Tuổi Trẻ ở Sài Gòn vào khoảng 1983, số thuế hàng nhập khẩu phi mậu dịch (hàng qua biên) qua cửa Tân Sơn Nhất (Sài Gòn) lên đến một phần ba tổng số thuế thu nước ngoài trên toàn quốc. Có lẽ nhiều người con nòi ngay tại Sài Gòn, vào những năm trước 1980, nhiều cây cối trong thành phố đã bị tước vỏ chẻ con trồng thân cây; dân chúng không trồng nước cây, chỉ cần trồng nước có lẽ nhiều cây nhà bếp ngoài. Với cây nước dùng làm chất đốt trong gia đình, vì người dân nghèo qua không có tiền mua than củi. Nếu là dầu hỏa trước một năm nói lên có thể xả ra, nhưng may thay, những gói quà tình cảm từ thân nhân ở phương Tây gửi về giúp cho người Việt trong nước tránh nước nạn đói trầm trọng nhờ năng lượng nhà bếp này ở Bắc Hàn.

Về phương diện chính trị, người Việt qua các nước phương Tây từ trước tới nay; có người bắt đầu đi vào bộ máy chính quyền, có người ra làm thủ tướng nhờ trường hợp ông Nguyễn Sang, hiện nay đã 40 tuổi, làm thủ tướng Richmond ở Úc. (35)

Quan trọng hơn cả là những vấn đề chính trị mang màu sắc quốc gia dân tộc và dân chủ số nói khắp nơi trên thế giới. Những vấn đề này là niềm tin cho những người lờ mờ biết về giới

vòng niềm tin vào tương lai, vào tay nôi của một thế hệ trẻ mới trong khaidó làm cho chính quyền công sản phải để lại hôn trong chính sách của họ.

Ngày nay, do những vấn đề về tiếng ồn nôi ngoài, nên ở trong nôi chính quyền công sản coi phải giảm bớt ít nhiều những hành động tới tưng tới tưng công khai lo liệu nhỏ thời gian trước này. Ngoài ra, công nông người Việt ở hải ngoại còn tạo nên một nhà bán ngoài coi bán khai xam phẩm nhỏ với hãng Công Sản Việt Nam, trôi thanh cho dĩa cho những thanh phần yêu nôi vaily khai với hãng công sản, nôi thời làm một ngoài lúc hoạt rôi tinh thần người Việt ở trong nôi, tạo niềm tin giúp họ nuôi hy vọng về sống còn qua cơn thời thách nghiệt ngoài hiện nay.

Tuy Việt Nam chĩa nôi giải phóng khỏi chế độ công sản, những những sinh hoạt và vấn đề chính trị hiện thời ở hải ngoại cũng góp phần nhìn hướng bôn nôi về tương lai của lịch sử Việt-Nam.

Về phương diện văn hoá xai hoá, cuộc xuất đòng lần này coi thể hiện nên những thay đổi chậm chạp những lần lao trong nôi sống văn hoá của người Việt-Nam. Đây là lần đầu tiên trong mấy ngàn năm lịch sử nôi ta, hàng triệu người Việt-Nam ở hải ngoại mỗi một cách riêng rai với thể giới văn hoá và văn minh Việt-Nam. Người Việt Nam ra nôi ngoài mang theo di sản văn hoá dân tộc, nôi góp vào nôi sống văn hoá ở các nhà phòng mình sinh sống, nhất là ở những nôi nhà văn hoá nhỏ Canada. (36)

Nôi thời, người Việt-Nam vốn thông minh, ra nôi ngoài coi nhiều kiến thức và hấp thụ nếp sống cũng nhờ truyền thống văn hoá của nhiều nôi trên khắp thế giới. Nhiều người nôi tới nghiệp nôi học, nôi nôi những văn bằng cao cấp nhỏ tiên số, nôi góp phần xam vào nên học thuật và khoa học thế giới, nhất là những môn khoa học mới mẽ như nôi toán, mĩ thuật truyền thống... (37)

Trong nôi sống hàng ngày, người Việt tiếp thu nôi nhiều bài học thực tế rất nhân bản, mà nôi nôi này chúng ta coi thể biệt nôi không chĩa ởng dung, ví dụ sinh hoạt dân chủ theo kiểu tay phòng, sồi toán trong dân quyền và nhân quyền, sồi bình nôi về các tộc, về nam nôi mỗi quan hệ gia đình giữa vôi chồng, giữa cha mẹ và con cái... Cúi thể người Việt nôi học và nôi nghe nôi nên những nôi này khi con ở trong nôi, những chúng ta chĩa sống trong không khí nôi và chúng ta không áp dụng thực tiễn trong nôi sống chung ta. Ra nôi ngoài, những sinh hoạt dân chủ và bình nôi này diễn ra ngay trước mắt, nôi dân dân thay đổi nôi trạng (mentality) của chính người Việt. Những cảm nghĩ nôi này trôi nôi thoải mái trong công nông người Việt ở hải ngoại, rai nôi nôi se lan truyền về trong nôi.

Quan trọng nhất là sinh hoạt toán gia, văn hoá, và nôi nôi các nôi tay phòng hoàn toàn tòi do, mĩ nôi nôi xúc phẩm nên nôi nôi cá nhân của người khác. Chính nôi thể những sinh hoạt toán gia, nôi nôi, văn hoá tòi do và biệt toán trong tòi do của người khác trong xai hoá tay phòng rất phù hợp với truyền thống sống chung và nôi người khác cùng sống của người Việt-Nam, nên người Việt Nam để tiếp thu nên văn hoá mới trong xai hoá mới. Tất cả những yếu toán này sẽ nôi gắn liền và giúp việc thay đổi tinh thần nôi nôi xây dựng một mô hình dân chủ nhân bản cho nôi nôi mai sau.

Trên thế giới, bất cứ một chế độ chính trị nào, dù bảo tan và mạnh mẽ như Nôi Quốc Xai (1933-1945), hay Công Sản Liên Xô (1917-1990), nếu nôi nôi với những quy luật thiên nhiên và vôi lòng dân, nếu phải sụp đổ Công Sản Việt-Nam hiện nôi theo con nôi vôi và nôi nôi với những quy luật thiên nhiên, vôi nôi những quy luật lịch sử truyền thống dân tộc, và vôi nôi nôi nôi với lòng dân nên chắc chắn không bao lâu nôi chế độ này cũng sẽ bị nôi thay.

Sau khi chế độ công sản sụp đổ nôi Việt sẽ nôi xây dựng rai. Chắc chắn thể nôi cũng coi một số trong những người ra nôi trong cuộc xuất đòng vôi nôi vôi qua, hoặc con cháu họ, sẽ rai về Việt-Nam. Những người này mang theo tinh thần mới, nếp suy nghĩ mới, những quan niệm tòi do bình nôi nôi, những kiến thức chuyên môn nôi học nôi về các ngành khoa học, cùng vôi tài sản tích lũy bấy lâu nay nên nôi nôi xây dựng một nôi Việt-Nam mới. Nôi là nôi nhà kế toán và học người Do Thái, một khi nôi Việt-Nam nôi tòi do dân chủ tập thể người Việt ở hải ngoại sẽ nôi trở cho nôi Việt Nam phát triển mạnh mẽ nôi nôi thời gian nôi mà vì nên cai trị của công sản.

tuần học, vớibộphaan phuc, muoniea vaonuraeg oag laomangooobcha baahanh..." (Trông BaiCan, *Coag giao Naag Trong thobgiaan muc Pigneau, 1771-1799*, Nai Ket, TPHCM, 1992, tr.14).

Keatoin Cong nong Vatican 2, vaonau thap nien 60 cuathekyi20, dooi thoi cai Giaohoang John 23 (giaohoang toi1958-1963) vaPaul 6 (giaohoang toi1963-1978), giaohoi Thien Chua giaomoi coinhong thay noi nang keaphuohop voi nen van hoa cai nooc tren thegioi. Rieng tai Viet Nam, sau Cong nong Vatican 2, giaodan bat nau coutheathiet lap ban thovaitochoc cung ki ong bartai nhay tham doinhong buoi cung tekhac, noi phung vui cung coinhong nen hoa quai..

6. Toin Khai Nai cua Cao Nai giaochinh thoi goi nen thong noi Nam KyLe Fol ngay 7-10-1926. (LeAnh Dung, *Lich sounao Cao Naitthobkydien aa 1920-1926*, Thuan-Hoa, Huej 1996, tr. 183)
7. Nguyen Huyen Anh, *VietNam danh nhaa toaniea*, Co soixuat ban Zieleks tai bain, Texas, 1990, tr. 69.
8. Nguyen Huyen Anh, *snd*. tt. 107-108.
9. Ngooi thevua Quang Trung sang chau vua Thanh laiPham Cong Tro. (Hoa Bang, *Quang Trung Nguyea HuejNai Nam*, Hoa Kytai bain, khong nenam, tr. 233.)
10. Nam 111 tr. CN. khi Loibac Noic nem quan chiem Nam Viet, ngooi Trung Hoa di co xuong Nam Viet, roi xuong Giao Cha (Nguyen Phong, *VietNam thobkhai sinh*, Phong Nghien cou Sui Vien nai hoc Huej 1965, tt 232-244) Nay lai noi di co oait nau tien cua ngooi Hoa. Vetsau, moi lan coinhong khuing boachinh tro hay thay noi trieu nai, ngooi Hoa tien tuic di co sang nooc ta. Noi di co gain nhac con neilai nhieu chong coulich soidien ra sau khi nhaMinh (1368-1649) sup noi. Mot soquan lai nhaMinh khong tung phuc nhaThanh (1649-1911), boisang nooc ta vaonam 1679 (kyimui). Noi lai Dong Ngan Noic (toing binh Long Mon, Quang Tay), Tran Thong Xuyen, toing binh chau Cao, chau Loi, vaichau Lien (Quang Noing), cung phoitooing Tran An Binh, nem 3.000 quan, 50 chiet thuyen sang nooc ta, nooc Hien Voong cho vaon khai phaiNoing Phoá (Gia Ninh). Sau noikhong lau, Mac Cou, ngooi Quang Noing, luc nau boisang Chan Lap, khai phaiVung HaiTien roi nem nat HaiTien dang lai chua Nguyen. Nhung ngooi nhaMinh sang luc nau song tap trung trong nhong khu vuc goi laiMinh hong (lang cua nhong ngooi nhaMinh), nhong dan dan hoa lai voi ngooi Viet va thanh ngooi Viet. Trong Viet soi nhieu nai quan vaanh hung cha mot hai noi trooc van con laingooi Hoa, vi dui Tronh Hoai Noic, Trong Minh Giang, Phan Thanh Gian, Chau Tho Noing...
11. Tam Quach-Langlet, "The Geographical Setting of Ancient Champa", trinh bay tai cuoc hoi thao veChampa, nai hoc Copenhagen, Nan Mach, ngay 23-5-1987. Bai nay nooc nang trong *Proceedings of the Seminar on Champa*, Southeast Asia Community Resource Center (SACRC), Rancho Cordova, CA 1994, tt. 21-43.
12. Pierre-Bernard Lafont, "On the Relations Between Champa and Southeast Asia", SACRC, *snd*. tr. 72.
13. *Encyclopedia Britannica*, Volume 5, William Benton, Publisher, U.S.A., 1972, toi muc Champa, tr. 257.
14. Trong cuoc chien tranh Viet Hoa nam 1075-1076, Chiem Thanh lien ket voi Trung Hoa neaninh nooc ta. Khi quan Tong (Trung Hoa) rui lui, vua Chiem coingooi sang nooc ta xin trieu cong nho cui Nam 1092 (nham than), vua Chiem dang bieuh cho vua Toing noi rang neu nhaToing cou binh naih nuoc Viet, Chiem Thanh xin tinh nguyea cou binh naih mat nam, nhong vua Toing khong nghe. Nam 1149 (nham tuat), quan Chiem hop voi quan Chan-Lap naih NgheAn nhong bo nay lui. (Phan Du, *Quatg Nam qua caa thobnai*, Coi Hoc Tung Tho, Nai Nang, 1974, tr 33) Sau khi CheMain, ngooi bieuh hai chau OlvaLy cho nooc ta neacou Huyen Tran cong chua, toitrai nam 1307, cai vua Chiem ketiep hay quay phai phía nam nooc ta. Vua Chiem lai CheA Nan thong goi ngooi sang Trung Hoa trieu cong va xin vua Trung-Hoa ap loc buoc nooc ta ton trong lanh thoChiem Thanh. Tran Minh Toing sai Huei Ton Voong Tran Nai Nien naih Chiem Thanh nam 1326 nhong bo that bai. Cai vua Chiem thong xin vua Trung Hoa troc tien phong voong, roi doa vaonoinegaay han voi Nai Viet.
15. Pierre-Bernard Lafont, bai naidan, *snd*. tr. 68.
16. VNSL, tt. 93-94. Dohamide va Dorohiem, *Da toa Cham looc soi Sai Gon* 1965, tr. 49.
17. Dohamide va Dorohiem, *snd*. tr. 55.
18. Sau Noing Dong, ngooi Chiem Thanh doi noi xuong Noi Ban hay Trai Ban (Binh-Ninh) nam 1.000 (canh ty). (Phan Du, *snd*, tr. 25.)
19. Edwin O. Reischauer, John K Fairbank, *East Asia: The Great Tradition*, Houghton Mifflin Company, Boston, 1960, tr. 212.
20. *CM*, tr. 489.
21. *CM*, tr. 517.

22. Dohamide và Dorohiem, *sđd.* tr. 75. Phan Du, *sđd.* tr. 39.
23. Theo truyền thuyết Chiêm Thành, **CheBoàng Nga** (Po Bin Swor) trong một lần lên núi tu luyện, đã kiếm được một cây kiếm thần. Chính nhờ cây kiếm thần mới CheBoàng Nga đã nhiều lần đánh bại kẻ thù. (Inrasara, *Vaê hoê daê gian Chaên*, tức ngòi - thanh ngòi - câu nói Nxb Văn học Dân tộc, Tp HCM, 1995, tr. 254) Ngòi Chiêm rất hành diện vì vua này. Dân chúng Chiêm Thành thông truyền tụng câu thành ngữ "Taêphep nhô CheBoàng Nga" (Sanak ginrôh drôh Po Bin Swôr), và có một câu nói "Môê caê kiêh thaê, mang ngôê ôni xôđai tranh taê?" [lơai?] (Sa bbaik palidaw, bat ba cêi nau nôgar urang tok ginrôh) (Inrasara, *sđd.* tt. 205, 230-231) [tác giả Inrasara có tên Việt là Phui Trâm].
24. Dohamide và Dorohiem, *sđd.* tr. 85.
25. Ngay nay, Hội An là vùng Phui Yên, Khánh Hòa; Chiêm Thành ở vùng Phan Rang; Nam Phan thuộc vùng Gia Lai, Kontum, Darlac. (theo chú thích của TT2, tr. 450)
26. *Thepha* tt. 114, 126. Trong sách *Hoà An*, Nxb. Nhà Nãi, 1997, trang 78, tác giả Nguyễn Văn Xuân viết rằng bà Ngọc Khoa, con của Nguyễn Phúc Nguyễn, lấy chồng người Sotaro, một thông nhân Nhật Bản, nên Hội An buôn bán. Ông Nguyễn Văn Xuân không trích dẫn tài liệu cũ thể nào để chứng minh việc này.
27. Po Dharma, "Status of the Latest Research on the Date of the Absorption of Champa by Vietnam", SACRC, *sđd.* tr. 60.
28. Năm 950, Chăm Lạp tấn công Chiêm Thành. Giữa 1074 và 1080, Chiêm Thành đánh Chăm Lạp, phải hủy các thành nãi, và bắt nhiều tù binh Chăm Lạp. Khoảng từ 1145 đến 1149, người Chăm Lạp tiến chiếm kinh đô Nãi Ban. Năm 1177, Chiêm Thành gọi quân tiến đến Tonle Sap, chiếm và cướp phá Anchor. Năm 1190, vua Chăm Lạp là Jayavarman VII phải quân đánh chiếm Nãi Ban, cướp các thành tổng, và chia Chiêm Thành làm hai nước nhỏ. Những năm sau, Chiêm Thành đánh đuổi quân Chăm Lạp và tái thống nhất. Năm 1203, Jayavarman VII tái chiếm Chiêm Thành, cho đến 1220, Chiêm Thành mới thoát nước sôi nãi hoê của Chăm Lạp. Đầu nãi thừa Nãi Việt năm 1471, và Lê Thái Tông chia thành ba nước nhỏ (Chiêm Thành, Hội An và Nam Phan), Chiêm Thành cũng gọi quân giúp tiêu diệt xứ Johor ở bán đảo Mã Lai chống lại người Bồ Đào Nha năm 1594. Sau cuộc thảm viêng nước Xiêm (Siam tức Thái Lan) của một hoàng thân, em vua Chiêm, khoảng từ 1675 đến 1685, người Chiêm còn tham đời vào một cuộc âm mưu lật đổ vua Xiêm vào năm 1686-1687. (Pierre-Bernard Lafont, *bãi nãi dân, sđd.* tt. 66-73)
29. Dohamide và Dorohiem, *sđd.* tr. 102.
30. *Thepha* tt. 113.
31. VNSL, tt. 162, 165-166, 249-250.
32. Sau này trích hoàn lời Việt bản "Quốc tế ca" của hãng Công Sản:
 "...Nay mai cuộc nô bse o ãra mô ùme ù
 Bao nhiêu quye ã lòi ãe ã qua tay mình.
 Nãi tranh này là ãra ã cuo ã cuo ã..."
 (Hoàng Thơ Nãi sưu tầm và chú thích, *Thô ca caêh mãng 1925-1945*, NXB. Khoa học Xã hội Hà Nội, 1973, tr. 112)
33. Những người hy sinh trên biển cả là những liệt sĩ vô danh đã không góp vào công cuộc văn minh đô luận thế giới chúng ta nên trang truyền nhân Việt Nam. Nhờ vậy, trong cuộc họp quốc tế nước tổ chức tại Geneva năm 1979, các nước trên thế giới chấp thuận quy chế tị nạn của người Việt Nam cũng như Lào và Campuchia qua sông qua biển của Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc (UNHCR). Trang số vết biển này đã khép lại. Năm nay lực công nông người Việt ở hai ngoài nên tổ chức hàng năm một ngày tưởng niệm các liệt sĩ vô danh này. Chúng ta có thể chọn ngày "Thanh minh" theo năm âm lịch hàng năm để làm "Remembrance Day".
34. Nguyễn Ngọc Giao, "Đôi kiến, Huyết thoại và Hiên thức", *Die ã Nãi FORUM*, Paris, France, số 60 (Xuân Ninh Sơn), 2-1997, tr. 18.
35. "Phong văn ông Nguyễn Nãi Hiệp", *Die ã Nãi FORUM*, số 64, 6-1997, tr. 11.
36. Trên thế giới, hiện nay các phong tục Việt-Nam nhờ lễ Tết, Trung thu nước tổ chức khắp nơi; kiểu áo dài của phụ nữ Việt-Nam bắt đầu nước chủ yếu các môn ăn Việt nhờ cha giáo phổ biến nước thành hành. Hình ảnh một người tay phồng cảm nãi ăn phôi hiện là một nãi bình thông.

37. Theo bài Marie Therese Bui Công Tạng, công tác viên cô quan Caritas Frankfurt, tác giả sách *QueđHồng Thôu Hai* (tiếng Nôic) viết về nôi sống của ngôoi Việt tĩ nạn tại Nôic trong 15 năm qua, nôi linh mục HoàNgôi Thanh giới thiệu trên nguyệt san *TheKyQ1*, Garden Grove, số 98, June 1997, tr. 26, thì "...Sau khi kháe phục nhôog khoukhaê treê nhôog hoânhạp maai cuog bieâraeg nêê kieê hoânhạp khoukhaê hôn nhieê nhôô MyvâPhap, nâi nâ soâhanh thiêa nêê theđeđhôi hai nang thaâ nâi thaoh quaumyonaô tai caà trung vađai hoic, vađrong soânhôog ngôôbnađrôog thaoh hiêa côi nhôog ngôôbnađiônhôog chôi vuiquan trong trong caà coog sôuhoê caà laôh vôi doanh thông kyngheđhay haoh ngheđido. NgôôbViệt tĩ nạn nâđkhôog trôuhâoh gâh nâg cho chính quyêa vađ dađ chuang Nôô maogôic lai nâđoog gôp pháa khôog nhôvâo vađ nhôsoâg kinh teđi mình côi ngui.."
38. Khi mới lên ngôi ôi Nhật Bản năm 1868, **Minh Trô thiêa hoang** (Meiji Hito, 1852-1912) muốn cái cách Nhật Bản, nâigôoi khoảng 6.000 sinh viên qua các nôi: Âu Myđu hoic. Chính lóp ngôoi này nâitrôivêgiup Minh Trô canh tain Nhật Bản. Khi **Nâg Tieâ Bình** (Deng Xiaoping) trôilai cầm quyên năm 1978 sau khi Mao Trạch Nôing tởtrai (1976), nâigôoi khoảng 100.000 thanh niên Trung Hoa ra nôi: ngoài du hoic. Khoảng 20% sốngôoi này tôi khoảng 20.000 ngôoi trôivêinôic, cũng nâigiuup Trung-Hoa vôi thoat nôi: nạn tri treikeo dai tởthôi Mao Trạch Nôing. Ngay nay, trong 2.000.000 ngôoi Việt Nam ôihai ngoài, ít nhất côi khoảng 1.000.000 laithanh thiêu niên. Chê can năm phain traim (5%) sốngôoi này, tôi 50.000 ngôoi, mô ngay kia trôivêinôic lam viêc sau khi chêi nôi công sâi sup nôi nhô theâ Việt Nam cũng seicôi môi lôic lôing chuyên viêc khai lôn nêaxây đông lai queđhông.

a a